

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 19/5/2025
V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoài Bảo
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông Lê Đức Dũng.
 2. Bà Lại Thị Thúy Hằng.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Bích, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.
- *Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ tham gia phiên tòa:* Ông Trần Văn Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 19/5/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 506/2024/LTST- HNGĐ ngày 13/11/2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/4/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 18/QĐST-HNGĐ ngày 28/4/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1985.
 - *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trường L, sinh năm 1980.
Cùng địa chỉ: tổ D, ấp A, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.
- (*Bà S vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông L vắng mặt không có lý do.*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 17/9/2024, các bản tự khai, biên làm việc nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:

Bà và ông Nguyễn Trường L trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai năm 2006. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian, nhưng sau này bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, tuy sống chung một nhà nhưng không còn ai quan tâm

lẫn nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Trường L có hai con chung là cháu Nguyễn Trường X, sinh ngày 09/7/2006 và Nguyễn Trường H, sinh ngày 19/6/2010. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được quyền nuôi cháu H và yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng. Cháu Nguyễn Trường X đã trưởng thành có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung; nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Trường L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng. Việc thu thập chứng cứ của Tòa án đầy đủ. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng, bị đơn không chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 131 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình năm 2000, đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà S.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trường H, sinh ngày 19/6/2010 cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Trường L cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng. Cháu Nguyễn Trường X đã trưởng thành có khả năng lao động nên không xem xét.

Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Trường L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 1, khoản 3, Điều 228 Bộ luật

Tổ tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Trường L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2006 theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, theo bà S thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống vợ chồng không có tiếng nói chung, tuy sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến nhau. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông L. Ngoài ra, ông L đã được triệu tập hợp lệ để làm việc, hòa giải, xét xử nhưng ông L đều vắng mặt không có lý do, không có lời trình bày, chứng tỏ ông L không muốn hòa giải để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ. Từ đó xác định tình trạng hôn nhân giữa bà S, ông L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó có căn cứ để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà S.

[3] Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Bà và ông Nguyễn Trường L có hai con chung là cháu Nguyễn Trường X, sinh ngày 09/7/2006 và Nguyễn Trường H, sinh ngày 19/6/2010. Bà Nguyễn Thị S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trường H, sinh ngày 19/6/2010 và yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng. Hiện nay con chung chưa đủ tuổi vị thành niên, đang được bà S chăm sóc và đây cũng là nguyện vọng của cháu. Xét thấy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung sau khi ly hôn, cần giao cháu H cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông L không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật đến khi con chung thành niên là phù hợp.

Đối với cháu Nguyễn Trường X hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết

[4] Về tài sản chung; nợ chung: Bà S trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông L không có lời khai về việc này, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; ông Nguyễn Trường L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; khoản 1, khoản 3, Điều 228; Điều 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị S. Bà Nguyễn Thị S được ly hôn ông Nguyễn Trường L.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trường H, sinh ngày 19/6/2010 cho bà Nguyễn Thị S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Con chung Nguyễn Trường X, sinh năm 2006 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

Ông Nguyễn Trường L phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Trường H 3.000.000 đồng/tháng đến khi con thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày có đơn có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chấm dứt theo Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ khi cần thiết các bên có quyền được yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo đảm cho đến khi trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà S đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0012650 ngày 11/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ. Bà S đã nộp đủ tiền án phí.

Ông Nguyễn Trường L phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung

năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

6. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lại Thị Thúy Hằng - Lê Đức Dũng

Nguyễn Hoài Bảo

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS H. Cẩm Mỹ;
- Các đương sự;
- UBND xã Bàu Hàm II, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai (GCNKH số:01/2006)
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hoài Bảo